

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2022.

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã S, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Chu Quang Q, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã S, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu ở nước M. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Chu Quang Q được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q còn ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con, vợ chồng thường tranh cãi, không có tiếng nói chung nên vợ chồng không hạnh phúc. Hiện Anh Q đang lao động xuất khẩu ở nước M, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Chu Gia L, sinh ngày 11/4/2018. Hiện cháu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 07/12/2021 và ngày 17/12/2021 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Chu Quang T – địa chỉ: Xóm B, xã S, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên là bố đẻ của anh Chu Quang Q, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông có thông tin cho anh Q được biết việc chị H đang yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh Q có trao đổi lại: “Về quan hệ hôn nhân như chị H đã khai là đúng. Nay chị H xin ly hôn anh xác định vợ chồng không còn quan tâm nhau, yêu thương nhau nữa nên anh nhất trí ly hôn với chị H để giải thoát cho cả hai. Về con chung vợ chồng có 01 con chung là cháu Chu Gia L, sinh ngày 11/4/2018. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cháu L, anh cũng nhất trí. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng, anh Q nhất trí không có ý kiến gì khác. Sau này anh Q về nước anh sẽ thỏa thuận lại với chị H về việc nuôi con chung để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu; Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị giải quyết. Hiện nay anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 10098/CAT(PA01/XNC) ngày 27/10/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định công dân Chu Quang Q, sinh năm 1993, đã xuất cảnh ngày 23/10/2018, qua cửa khẩu sân bay Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út H chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh Q ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh Q là ông Chu Quang T, có đủ căn cứ xác định anh Q vẫn liên hệ với ông nhưng ông cũng không cung cấp được địa chỉ của anh Q và anh Q cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Tiền cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh T đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Út H và anh Chu Quang Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị H trình bày: Vợ chồng cùng đi lao động xuất khẩu tại nước M, nhưng vợ chồng chị không có tiếng nói

chung, anh Q ham chơi không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi và sống ly thân. Sau đó chị H trở về Việt Nam. Anh Q vẫn làm việc ở nước ngoài. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Chu Quang Q không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Quang Q. Phía bị đơn anh Q, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố anh Q là ông Chu Quang T), anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, chị H xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa chị H và anh Q đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh Chu Quang Q và chị Nguyễn Thị Út H đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Út H và anh Chu Quang Q có 01 con chung là Chu Gia L, sinh ngày 11/4/2018, hiện nay cháu L đang ở cùng chị H, anh Chu Quang Q hiện nay đang ở nước ngoài. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc con chung của chị H. Giao con chung là Chu Gia L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh Q nhất trí nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q vì chị H không yêu cầu.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu giải quyết. Phía anh Q không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Q; Giao cháu Chu Gia L, sinh năm 2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q vì chị H không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Út H đối với anh Chu Quang Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út H được ly hôn với anh Chu Quang Q.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Chu Gia L, sinh ngày 11/4/2018, cho chị Nguyễn Thị Út H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Chu Quang Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh Chu Quang Q do chị H không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000025 ngày 02/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương

